TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 11 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 801/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Đường H, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Đỗ Hữu M, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Đường H, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M đều xác nhận do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà E và ông M thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà E và ông M là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 16/10/2008. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 16/10/2008. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông Đỗ Hữu M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai

bên xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con (bà E) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011795 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà E và ông M đã nộp đủ lệ phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 cấp ngày 30/5/2008 cho bà Nguyễn Ngọc E và ông Đỗ Hữu M không còn giá trị pháp lý.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, Q6, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thụy Bích Ngọc